



VIỆN CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG VÀ MỎ - VINACOMIN (IEMM)
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH CÔNG NGHIỆP
PHÒNG THÍ NGHIỆM HÓA HỌC - MÔI TRƯỜNG - VIMCERTS 248 - VILAS 182
Trụ sở: 565 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội
PTN: Số 3- ngõ 76- đường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - Hà Nội
Tel: +84-24-3552 5553 / 3854 2142; Email: celab.iemm@gmail.com

VIMCERTS 248
SỐ: 162/25/KQPT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUAN TRẮC BỤI, KHÔNG KHÍ

Mã mẫu: 060525-KK01÷KK08

Tên khách hàng : Công ty Nhôm Đắc Nông – TKV
Địa chỉ : Xã Nhân Cơ – huyện Đắc R’Lấp – tỉnh Đắc Nông
Loại mẫu : Không khí xung quanh
Ngày lấy mẫu : 29/5/2025
Ngày phân tích : 30/5÷09/6/2025

Ngày phân tích : 30/3/2023

TT	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Tổng bụi lơ lửng (µg/Nm ³)	NO ₂ (µg/Nm ³)	SO ₂ (µg/Nm ³)	CO (µg/Nm ³)
		X	Y				
Phương pháp thử nghiệm				TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	IEMM-SOP-A08
A	Khu vực khai thác						
QCVN 05:2023/BTNMT Trung bình 1 giờ				≤300	≤200	≤350	≤30000
KK01	Khai trường khai thác năm 9 (khối 15-121)	1323927.78	395586.01	127,4	53,16	132,4	3204
KK02	Phía Nam khai trường khai thác năm 9 (khối 10-122)	1323988.04	395949.24	122,6	44,09	92,17	4170
KK03	Khai trường khai thác năm 9 (khối 16-121)	1324422.77	394619.56	105,5	<30	112,0	3172
KK04	Đường vận chuyển khu vực khai trường khai thác năm 9 (khối 10-122 và khối 14-121)	1324510.62	395890.49	117,6	53,54	128,0	<2800
KK05	Phía Tây khu vực khai trường khai thác năm 9 (khối 14-121)	1324020.14	395525.77	151,1	37,92	121,4	3621
KK06	Phía Bắc khu vực khai trường khai thác năm 9 (khối 14-121)	1324788.54	395498.16	99,4	41,31	126,6	4648
KK07	Phía Bắc khu vực khai trường khai thác năm 9 (khối 10-122)	1324972.63	395559.35	91,4	46,89	156,7	3091
KK08	Phía Tây khu vực khai trường khai thác năm 9 (khối 12-121)	1323500.72	394676.78	125,2	50,17	126,5	4046





VIỆN CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG VÀ MỎ - VINACOMIN (IEMM)
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH CÔNG NGHIỆP
PHÒNG THÍ NGHIỆM HÓA HỌC - MÔI TRƯỜNG - VIMCERTS 248 - VILAS 182
Trụ sở: 565 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội
PTN: Số 3- ngõ 76- đường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - Hà Nội
Tel: +84-24-3552 5553 / 3854 2142; Email: celab.iemm@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUAN TRẮC BỤI, KHÔNG KHÍ

Mã mẫu: 060525-KK09, KK10

TT	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Tổng bụi lơ lửng (µg/Nm³)	NO ₂ (µg/Nm³)	SO ₂ (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)
		X	Y				
Phương pháp thử nghiệm				TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	IEMM-SOP-A08
A	Khu vực khai thác						
QCVN 05:2023/BTNMT Trung bình 1 giờ				≤300	≤200	≤350	≤30000
KK09	Phía Đông khu vực khai trường khai thác năm 9 (khối 4-122)	1324055.44	394224.97	90,9	53,34	116,6	4616
KK10	Đường vận chuyển khu vực khai trường khai thác năm 9 (khối 5-121 và khối 2-122)	1323961.38	394769.23	107,8	39,47	129,1	<2800

Ghi chú:

QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí – trung bình 1 giờ

TT THỬ NGHIỆM KĐCN
PTN HÓA HỌC - MÔI TRƯỜNG

NGUYỄN THỊ KIỀU LINH



KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

- (#): Thông số chưa được công nhận trong Vimcerts 248, phân tích theo yêu cầu của khách hàng
- (b): Thông số theo Vilas 182; (c): Thông số theo công nhận của Bộ Y tế
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử; Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của PTN;
- Quá 07 ngày PTN sẽ không giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích

- (-): Không có quy định
- (KPH): Không phát hiện
- (MDL): Giới hạn phát hiện



VIỆN CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG VÀ MỎ - VINACOMIN (IEMM)
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH CÔNG NGHIỆP
PHÒNG THÍ NGHIỆM HÓA HỌC - MÔI TRƯỜNG - VIMCERTS 248 - VILAS 182
Trụ sở: 565 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội
PTN: Số 3- ngõ 76- đường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - Hà Nội
Tel: +84-24-3552 5553 / 3854 2142; Email: celab.iemm@gmail.com

VIMCERTS 248
SỐ: 163/25/KQPT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUAN TRẮC TIẾNG ỒN

Mã mẫu: 060525-KK01÷KK08

Tên khách hàng : Công ty Nhôm Đắc Nông – TKV
Địa chỉ : Xã Nhân Cơ – huyện Đắc R’Lấp – tỉnh Đắc Nông
Loại mẫu : Không khí xung quanh
Ngày quan trắc : 29/5/2025

TT	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Tiếng ồn	
		X	Y	L _{Aeq} (dBA)	L _{Max} (dBA)
Phương pháp thử nghiệm				TCVN 7878-2: 2018	
A	Khu vực khai thác				
QCVN 26:2010/BTNMT				≤70	-
KK01	Khai trường khai thác năm 9 (khối 15-121)	1323927.78	395586.01	63,5	70,4
KK02	Phía Nam khai trường khai thác năm 9 (khối 10-122)	1323988.04	395949.24	56,1	60,9
KK03	Khai trường khai thác năm 9 (khối 16-121)	1324422.77	394619.56	64,9	69,1
KK04	Đường vận chuyển khu vực khai trường khai thác năm 9 (khối 10-122 và khối 14-121)	1324510.62	395890.49	53,6	58,8
KK05	Phía Tây khu vực khai trường khai thác năm 9 (khối 14-121)	1324020.14	395525.77	60,7	65,7
KK06	Phía Bắc khu vực khai trường khai thác năm 9 (khối 14-121)	1324788.54	395498.16	60,2	65,7
KK07	Phía Bắc khu vực khai trường khai thác năm 9 (khối 10-122)	1324972.63	395559.35	57,8	63,8
KK08	Phía Tây khu vực khai trường khai thác năm 9 (khối 12-121)	1323500.72	394676.78	62,4	68,1





VIỆN CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG VÀ MỎ - VINACOMIN (IEMM)
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH CÔNG NGHIỆP
PHÒNG THÍ NGHIỆM HÓA HỌC - MÔI TRƯỜNG - VIMCERTS 248 - VILAS 182
Trụ sở: 565 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội
PTN: Số 3- ngõ 76- đường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - Hà Nội
Tel: +84-24-3552 5553 / 3854 2142; Email: celab.iemm@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUAN TRẮC TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

Mã mẫu: 060525-KK09, KK10

TT	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Tiếng ồn	
		X	Y	L _{Aeq} (dBA)	L _{Max} (dBA)
Phương pháp thử nghiệm				TCVN 7878-2: 2018	
A	Khu vực khai thác				
QCVN 26:2010/BTNMT				≤70	-
KK09	Phía Đông khu vực khai trường khai thác năm 9 (khối 4-122)	1324055.44	394224.97	61,6	67,5
KK10	Đường vận chuyển khu vực khai trường khai thác năm 9 (khối 5-121 và khối 2-122)	1323961.38	394769.23	52,2	58,3

Ghi chú:

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Khu vực thông thường



TT THỬ NGHIỆM KĐCN
PTN HÓA HỌC - MÔI TRƯỜNG

NGUYỄN THỊ KIỀU LINH

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



- (#): Thông số chưa được công nhận trong Vimcerts 248, phân tích theo yêu cầu của khách hàng
- (b): Thông số theo Vilas 182; (c): Thông số theo công nhận của Bộ Y tế
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử; Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của PTN;
- Quá 07 ngày PTN sẽ không giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích

- (-): Không có quy định
- (KPH): Không phát hiện
- (MDL): Giới hạn phát hiện



VIỆN CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG VÀ MỎ - VINACOMIN (IEMM)
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH CÔNG NGHIỆP
PHÒNG THÍ NGHIỆM HÓA HỌC - MÔI TRƯỜNG - VIMCERTS 248 - VILAS 182
Trụ sở: 565 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội
PTN: Số 3- ngõ 76- đường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - Hà Nội
Tel: +84-24-3552 5553 / 3854 2142; Email: celab.iemm@gmail.com

VIMCERTS 248
SỐ: 164/25/KQPT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUAN TRẮC NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

Mã mẫu: 060525-NTCN01

Tên khách hàng : Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV
Địa chỉ : Xã Nhân Cơ – huyện Đắk R'Lấp – tỉnh Đắk Nông
Loại mẫu : Nước thải
Ngày quan trắc, lấy mẫu : 29/5/2025
Ngày phân tích : 30/5÷14/6/2025
Tên mẫu/ Vị trí lấy mẫu : Nước thải khu vực khai trường khai thác năm 9 (khối 4-122)
Tọa độ: 1323564.64 X; 394042.21 Y

Số TT	Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 40: 2011/BTNMT (C - cột B)	C _{max} (C*Kq*Kf)	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	5,5÷9	5,5÷9	6,4
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	≤100	108	40,8
3	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	≤50	54	5,01
4	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	≤150	162	16,4
5	Fe	mg/l	SMEWW 3111B:2017	≤5	5,4	0,56
6	As	mg/l	SMEWW 3114B:2017	≤0,1	0,108	<0,006
7	Hg	mg/l	SMEWW 3112B:2017	≤0,01	0,0108	<0,0006
8	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2017	≤0,1	0,108	<0,0006
9	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2017	≤0,5	0,54	<0,006
10	NH ₄ ⁺ (Theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	≤10	10,8	0,072
11	Tổng P	mg/l	TCVN 6202:2008	≤6	6,48	0,138
12	NO ₃ ⁻ (Theo N)	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	-	-	0,971
13	Dầu, mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	≤10	10,8	<0,9
14	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	≤5000	5000	270

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp
- C-Cột B: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt
- C_{max}: Nồng độ tối đa cho phép; - Kf: Hệ số lưu lượng nguồn thải (Kf = 1,2);
- Kq: Hệ số theo lưu lượng/dung tích nguồn tiếp nhận nước thải (Kq = 0,9)



TT THỬ NGHIỆM KĐCN
PTN HÓA HỌC - MÔI TRƯỜNG

NGUYỄN THỊ KIỀU LINH

- (#): Thông số chưa được công nhận trong Vimcerts 248, phân tích theo yêu cầu của khách hàng
- (b): Thông số theo Vilas 182; (c): Thông số theo công nhận của Bộ Y tế
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử; Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của PTN;
- Quá 07 ngày PTN sẽ không giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



- (-): Không có quy định
- (KPH): Không phát hiện
- (MDL): Giới hạn phát hiện



VIỆN CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG VÀ MỎ - VINACOMIN (IEMM)
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH CÔNG NGHIỆP
PHÒNG THÍ NGHIỆM HÓA HỌC - MÔI TRƯỜNG - VIMCERTS 248 - VILAS 182
Trụ sở: 565 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội
PTN: Số 3- ngõ 76- đường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - Hà Nội
Tel: +84-24-3552 5553 / 3854 2142; Email: celab.iemm@gmail.com

VIMCERTS 248
SỐ: 165/25/KQPT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUAN TRẮC NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

Mã mẫu: 060525-NTCN02

Tên khách hàng : Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV
Địa chỉ : Xã Nhân Cơ – huyện Đắc R’Lấp – tỉnh Đắc Nông
Loại mẫu : Nước thải
Ngày quan trắc, lấy mẫu : 29/5/2025
Ngày phân tích : 30/5÷14/6/2025
Tên mẫu/ Vị trí lấy mẫu : Nước thải khu vực khai trường khai thác năm 9 (khối 5-121)
Tọa độ: 1324086.27 X; 394255.78 Y

Số TT	Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 40: 2011/BTNMT (C - cột B)	C _{max} (C*K _q *K _f)	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	5,5÷9	5,5÷9	6,1
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	≤100	108	33,4
3	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	≤50	54	8,02
4	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	≤150	162	26,3
5	Fe	mg/l	SMEWW 3111B:2017	≤5	5,4	2,58
6	As	mg/l	SMEWW 3114B:2017	≤0,1	0,108	<0,006
7	Hg	mg/l	SMEWW 3112B:2017	≤0,01	0,0108	<0,0006
8	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2017	≤0,1	0,108	<0,0006
9	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2017	≤0,5	0,54	0,0153
10	NH ₄ ⁺ (Theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	≤10	10,8	0,296
11	Tổng P	mg/l	TCVN 6202:2008	≤6	6,48	0,132
12	NO ₃ ⁻ (Theo N)	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ :E:2017	-	-	0,159
13	Dầu, mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	≤10	10,8	<0,9
14	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	≤5000	5000	400

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp
- C-Cột B: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt
- C_{max}: Nồng độ tối đa cho phép; - K_f: Hệ số lưu lượng nguồn thải (K_f = 1,2);
- K_q: Hệ số theo lưu lượng/dung tích nguồn tiếp nhận nước thải (K_q = 0,9)



TT THỬ NGHIỆM KĐCN
PTN HÓA HỌC - MÔI TRƯỜNG

NGUYỄN THỊ KIỀU LINH



KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đỗ Trung Hiếu

- (#): Thông số chưa được công nhận trong Vimcerts 248, phân tích theo yêu cầu của khách hàng
- (b): Thông số theo Vilas 182; (c): Thông số theo công nhận của Bộ Y tế
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử; Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của PTN;
- Quá 07 ngày PTN sẽ không giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích
- (-): Không có quy định
- (KPH): Không phát hiện
- (MDL): Giới hạn phát hiện



VIỆN CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG VÀ MỎ - VINACOMIN (IEMM)
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH CÔNG NGHIỆP
PHÒNG THÍ NGHIỆM HÓA HỌC - MÔI TRƯỜNG - VIMCERTS 248 - VILAS 182
Trụ sở: 565 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội
PTN: Số 3- ngõ 76- đường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - Hà Nội
Tel: +84-24-3552 5553 / 3854 2142; Email: celab.iemm@gmail.com

VIMCERTS 248
SỐ: 166/25/KQPT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUAN TRẮC NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

Mã mẫu: 060525-NTCN03

Tên khách hàng : Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV
Địa chỉ : Xã Nhân Cơ – huyện Đắc R’Lấp – tỉnh Đắc Nông
Loại mẫu : Nước thải
Ngày quan trắc, lấy mẫu : 29/5/2025
Ngày phân tích : 30/5÷14/6/2025
Tên mẫu/ Vị trí lấy mẫu : Nước thải phía Nam khu vực khai trường khai thác năm 9 (Khối 15-121). Tọa độ: 1323681.01 X; 395918.44 Y

Số TT	Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 40: 2011/BTNMT (C - cột B)	C _{max} (C*K _q *K _f)	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	5,5÷9	5,5÷9	6,0
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	≤100	108	45,4
3	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	≤50	54	6,11
4	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	≤150	162	19,7
5	Fe	mg/l	SMEWW 3111B:2017	≤5	5,4	0,17
6	As	mg/l	SMEWW 3114B:2017	≤0,1	0,108	<0,006
7	Hg	mg/l	SMEWW 3112B:2017	≤0,01	0,0108	<0,0006
8	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2017	≤0,1	0,108	<0,0006
9	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2017	≤0,5	0,54	<0,006
10	NH ₄ ⁺ (Theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	≤10	10,8	0,237
11	Tổng P	mg/l	TCVN 6202:2008	≤6	6,48	0,177
12	NO ₃ ⁻ (Theo N)	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	-	-	0,254
13	Dầu, mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	≤10	10,8	<0,9
14	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	≤5000	5000	380

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp
- C-Cột B: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt
- C_{max}: Nồng độ tối đa cho phép; - K_f: Hệ số lưu lượng nguồn thải (K_f = 1,2);
- K_q: Hệ số theo lưu lượng/dung tích nguồn tiếp nhận nước thải (K_q = 0,9)



KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đỗ Trung Kiên

- (#): Thông số chưa được công nhận trong Vimcerts 248, phân tích theo yêu cầu của khách hàng
- (b): Thông số theo Vilas 182; (c): Thông số theo công nhận của Bộ Y tế
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử; Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của PTN;
- Quá 07 ngày PTN sẽ không giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích
- (-): Không có quy định
- (KPH): Không phát hiện
- (MDL): Giới hạn phát hiện



VIỆN CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG VÀ MỎ - VINACOMIN (IEMM)
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH CÔNG NGHIỆP
PHÒNG THÍ NGHIỆM HÓA HỌC - MÔI TRƯỜNG - VIMCERTS 248 - VILAS 182
Trụ sở: 565 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội
PTN: Số 3- ngõ 76- đường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - Hà Nội
Tel: +84-24-3552 5553 / 3854 2142; Email: celab.iemm@gmail.com

VIMCERTS 248
SỐ: 167/25/KQPT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUAN TRẮC NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

Mã mẫu: 060525-NTCN04

Tên khách hàng : Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV
Địa chỉ : Xã Nhân Cơ – huyện Đắc R'Lấp – tỉnh Đắc Nông
Loại mẫu : Nước thải
Ngày quan trắc, lấy mẫu : 29/5/2025
Ngày phân tích : 30/5÷14/6/2025
Tên mẫu/ Vị trí lấy mẫu : Nước thải khu vực khai trường khai thác năm 9 (Khối 15-121)
Tọa độ: 1323989.58 X; 395556.48 Y

Số TT	Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 40: 2011/BTNMT (C - cột B)	C _{max} (C*K _q *K _f)	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	5,5÷9	5,5÷9	5,7
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	≤100	108	28,5
3	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	≤50	54	10,28
4	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	≤150	162	34,5
5	Fe	mg/l	SMEWW 3111B:2017	≤5	5,4	1,19
6	As	mg/l	SMEWW 3114B:2017	≤0,1	0,108	<0,006
7	Hg	mg/l	SMEWW 3112B:2017	≤0,01	0,0108	<0,0006
8	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2017	≤0,1	0,108	<0,0006
9	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2017	≤0,5	0,54	0,008
10	NH ₄ ⁺ (Theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	≤10	10,8	0,394
11	Tổng P	mg/l	TCVN 6202:2008	≤6	6,48	0,154
12	NO ₃ ⁻ (Theo N)	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	-	-	0,137
13	Dầu, mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	≤10	10,8	<0,9
14	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	≤5000	5000	700

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp
- C-Cột B: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt
- C_{max}: Nồng độ tối đa cho phép; - K_f: Hệ số lưu lượng nguồn thải (K_f = 1,2);
- K_q: Hệ số theo lưu lượng/dung tích nguồn tiếp nhận nước thải (K_q = 0,9)



NGUYỄN THỊ KIỀU LINH

- (#): Thông số chưa được công nhận nhận trong Vimecerts 248, phân tích theo yêu cầu của khách hàng
- (b): Thông số theo Vilas 182; (c): Thông số theo công nhận của Bộ Y tế
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử; Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của PTN;
- Quá 07 ngày PTN sẽ không giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích



KT. VIỆN TRƯỞNG
HỖ VIỆN TRƯỞNG

- (-): Không có quy định
- (KPH): Không phát hiện
- (MDL): Giới hạn phát hiện



VIỆN CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG VÀ MỎ - VINACOMIN (IEMM)
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH CÔNG NGHIỆP
PHÒNG THÍ NGHIỆM HÓA HỌC - MÔI TRƯỜNG - VIMCERTS 248 - VILAS 182
Trụ sở: 565 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội
PTN: Số 3- ngõ 76- đường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - Hà Nội
Tel: +84-24-3552 5553 / 3854 2142; Email: celab.iemm@gmail.com

VIMCERTS 248
SỐ: 168/25/KQPT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUAN TRẮC NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

Mã mẫu: 060525-NTCN05

Tên khách hàng : Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV
Địa chỉ : Xã Nhân Cơ – huyện Đắk R'Lấp – tỉnh Đắk Nông
Loại mẫu : Nước thải
Ngày quan trắc, lấy mẫu : 29/5/2025
Ngày phân tích : 30/5÷14/6/2025
Tên mẫu/ Vị trí lấy mẫu : Nước thải phía Tây khu vực khai trường khai thác năm 9 Khối 14-121 (điểm 1). Tọa độ: 1324297.1 X; 395466.71 Y

Số TT	Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 40: 2011/BTNMT (C - cột B)	C _{max} (C*K _q *K _f)	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	5,5÷9	5,5÷9	6,0
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	≤100	108	37,0
3	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	≤50	54	5,24
4	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	≤150	162	11,5
5	Fe	mg/l	SMEWW 3111B:2017	≤5	5,4	3,39
6	As	mg/l	SMEWW 3114B:2017	≤0,1	0,108	<0,006
7	Hg	mg/l	SMEWW 3112B:2017	≤0,01	0,0108	<0,0006
8	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2017	≤0,1	0,108	<0,0006
9	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2017	≤0,5	0,54	0,0116
10	NH ₄ ⁺ (Theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	≤10	10,8	0,357
11	Tổng P	mg/l	TCVN 6202:2008	≤6	6,48	0,220
12	NO ₃ ⁻ (Theo N)	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	-	-	0,289
13	Dầu, mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	≤10	10,8	<0,9
14	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	≤5000	5000	630

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp
- C-Cột B: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt
- C_{max}: Nồng độ tối đa cho phép; - K_f: Hệ số lưu lượng nguồn thải (K_f = 1,2);
- K_q: Hệ số theo lưu lượng/dung tích nguồn tiếp nhận nước thải (K_q = 0,9)



TT THỬ NGHIỆM KĐCN
PTN HÓA HỌC - MÔI TRƯỜNG

NGUYỄN THỊ KIỀU LINH



KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

- (#): Thông số chưa được công nhận trong Vimcerts 248, phân tích theo yêu cầu của khách hàng
- (b): Thông số theo Vilas 182; (c): Thông số theo công nhận của Bộ Y tế
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử; Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của PTN;
- Quá 07 ngày PTN sẽ không giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích

- (-): Không có quy định
- (KPH): Không phát hiện
- (MDL): Giới hạn phát hiện



VIỆN CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI - VINACOMIN (IEMM)
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH CÔNG NGHIỆP
PHÒNG THÍ NGHIỆM HÓA HỌC - MÔI TRƯỜNG - VIMCERTS 248 - VILAS 182
Trụ sở: 565 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội
PTN: Số 3- ngõ 76- đường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - Hà Nội
Tel: +84-24-3552 5553 / 3854 2142; Email: celab.iemm@gmail.com

VIMCERTS 248
SỐ: 169/25/KQPT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUAN TRẮC NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

Mã mẫu: 060525-NTCN06

Tên khách hàng : Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV
Địa chỉ : Xã Nhân Cơ – huyện Đắc R'Lấp – tỉnh Đắc Nông
Loại mẫu : Nước thải
Ngày quan trắc, lấy mẫu : 29/5/2025
Ngày phân tích : 30/5÷14/6/2025
Tên mẫu/ Vị trí lấy mẫu : Nước thải phía Tây khu vực khai trường khai thác năm 9 Khối 14-121 (điểm 2). Tọa độ: 1324451.18 X; 395346.23 Y

Số TT	Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 40: 2011/BTNMT (C - cột B)	C _{max} (C*K _q *K _f)	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	5,5÷9	5,5÷9	5,8
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	≤100	108	22,5
3	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	≤50	54	6,89
4	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	≤150	162	23,0
5	Fe	mg/l	SMEWW 3111B:2017	≤5	5,4	2,04
6	As	mg/l	SMEWW 3114B:2017	≤0,1	0,108	<0,006
7	Hg	mg/l	SMEWW 3112B:2017	≤0,01	0,0108	<0,0006
8	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2017	≤0,1	0,108	<0,0006
9	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2017	≤0,5	0,54	0,0116
10	NH ₄ ⁺ (Theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	≤10	10,8	0,344
11	Tổng P	mg/l	TCVN 6202:2008	≤6	6,48	0,166
12	NO ₃ ⁻ (Theo N)	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	-	-	0,273
13	Dầu, mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	≤10	10,8	<0,9
14	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	≤5000	5000	490

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp
- C-Cột B: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt
- C_{max}: Nồng độ tối đa cho phép; - K_f: Hệ số lưu lượng nguồn thải (K_f = 1,2);
- K_q: Hệ số theo lưu lượng/dung tích nguồn tiếp nhận nước thải (K_q = 0,9)



TT THỬ NGHIỆM KĐCN
PTN HÓA HỌC - MÔI TRƯỜNG

NGUYỄN THỊ KIỀU LINH



KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Trương Thị Kiều Linh

- (#): Thông số chưa được công nhận trong Vimcerts 248, phân tích theo yêu cầu của khách hàng
- (b): Thông số theo Vilas 182; (c): Thông số theo công nhận của Bộ Y tế
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử; Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của PTN;
- Quá 07 ngày PTN sẽ không giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích
- (-): Không có quy định
- (KPH): Không phát hiện
- (MDL): Giới hạn phát hiện



VIỆN CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG VÀ MỎ - VINACOMIN (IEMM)
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH CÔNG NGHIỆP
PHÒNG THÍ NGHIỆM HÓA HỌC - MÔI TRƯỜNG - VIMCERTS 248 - VILAS 182
Trụ sở: 565 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội
PTN: Số 3- ngõ 76- đường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - Hà Nội
Tel: +84-24-3552 5553 / 3854 2142; Email: celab.iemm@gmail.com

VIMCERTS 248
SỐ: 170/25/KQPT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUAN TRẮC NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

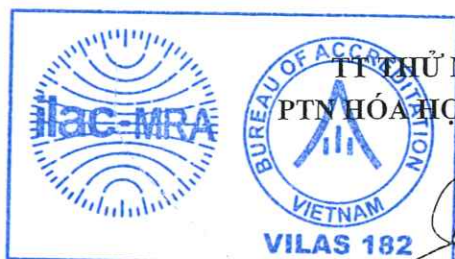
Mã mẫu: 060525-NTCN07

Tên khách hàng : Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV
Địa chỉ : Xã Nhân Cơ – huyện Đắc R’Lấp – tỉnh Đắc Nông
Loại mẫu : Nước thải
Ngày quan trắc, lấy mẫu : 29/5/2025
Ngày phân tích : 30/5÷14/6/2025
Tên mẫu/ Vị trí lấy mẫu : Nước thải phía Đông khu vực khai trường khai thác năm 9 Khối 14-121 (điểm 1). Tọa độ: 1324417.81 X; 396102.55 Y

Số TT	Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 40: 2011/BTNMT (C - cột B)	C _{max} (C*K _q *K _f)	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	5,5÷9	5,5÷9	5,7
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	≤100	108	49,1
3	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	≤50	54	10,25
4	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	≤150	162	36,2
5	Fe	mg/l	SMEWW 3111B:2017	≤5	5,4	3,62
6	As	mg/l	SMEWW 3114B:2017	≤0,1	0,108	<0,006
7	Hg	mg/l	SMEWW 3112B:2017	≤0,01	0,0108	<0,0006
8	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2017	≤0,1	0,108	<0,0006
9	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2017	≤0,5	0,54	0,0066
10	NH ₄ ⁺ (Theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	≤10	10,8	0,589
11	Tổng P	mg/l	TCVN 6202:2008	≤6	6,48	0,187
12	NO ₃ ⁻ (Theo N)	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	-	-	0,563
13	Dầu, mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	≤10	10,8	<0,9
14	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	≤5000	5000	1100

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp
- C-Cột B: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt
- C_{max}: Nồng độ tối đa cho phép; - K_f: Hệ số lưu lượng nguồn thải (K_f = 1,2);
- K_q: Hệ số theo lưu lượng/dung tích nguồn tiếp nhận nước thải (K_q = 0,9)



TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM KĐCN
PTN HÓA HỌC - MÔI TRƯỜNG

NGUYỄN THỊ KIỀU LINH



KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đỗ Trung Hiếu

- (#): Thông số chưa được công nhận trong Vimcerts 248, phân tích theo yêu cầu của khách hàng
- (b): Thông số theo Vilas 182; (c): Thông số theo công nhận của Bộ Y tế
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử; Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của PTN;
- Quá 07 ngày PTN sẽ không giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích

- (-): Không có quy định
- (KPH): Không phát hiện
- (MDL): Giới hạn phát hiện



VIỆN CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG VÀ MỎ - VINACOMIN (IEMM)
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH CÔNG NGHIỆP
PHÒNG THÍ NGHIỆM HÓA HỌC - MÔI TRƯỜNG - VIMCERTS 248 - VILAS 182
Trụ sở: 565 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội
PTN: Số 3- ngõ 76- đường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - Hà Nội
Tel: +84-24-3552 5553 / 3854 2142; Email: celab.iemm@gmail.com

VIMCERTS 248
SỐ: 171/25/KQPT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUAN TRẮC NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

Mã mẫu: 060525-NTCN08

Tên khách hàng : Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV
Địa chỉ : Xã Nhân Cơ – huyện Đắc R’Lấp – tỉnh Đắc Nông
Loại mẫu : Nước thải
Ngày quan trắc, lấy mẫu : 29/5/2025
Ngày phân tích : 30/5÷14/6/2025
Tên mẫu/ Vị trí lấy mẫu : Nước thải phía Đông khu vực khai trường khai thác năm 9 Khối 14-121 (điểm 2). Tọa độ: 1324788.3 X; 395619.7 Y

Số TT	Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 40: 2011/BTNMT (C - cột B)	C _{max} (C*K _q *K _f)	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	5,5÷9	5,5÷9	5,6
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	≤100	108	30,5
3	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	≤50	54	6,75
4	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	≤150	162	18,1
5	Fe	mg/l	SMEWW 3111B:2017	≤5	5,4	2,22
6	As	mg/l	SMEWW 3114B:2017	≤0,1	0,108	<0,006
7	Hg	mg/l	SMEWW 3112B:2017	≤0,01	0,0108	<0,0006
8	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2017	≤0,1	0,108	<0,0006
9	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2017	≤0,5	0,54	0,0088
10	NH ₄ ⁺ (Theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	≤10	10,8	0,516
11	Tổng P	mg/l	TCVN 6202:2008	≤6	6,48	0,124
12	NO ₃ ⁻ (Theo N)	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	-	-	0,974
13	Dầu, mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	≤10	10,8	<0,9
14	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	≤5000	5000	940

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp
- C-Cột B: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt
- C_{max}: Nồng độ tối đa cho phép; - K_f: Hệ số lưu lượng nguồn thải (K_f = 1,2);
- K_q: Hệ số theo lưu lượng/dung tích nguồn tiếp nhận nước thải (K_q = 0,9)



TT THỬ NGHIỆM KĐCN
PTN HÓA HỌC - MÔI TRƯỜNG

NGUYỄN THỊ KIỀU LINH



KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Trương Hữu

- (#): Thông số chưa được công nhận trong Vimcerts 248, phân tích theo yêu cầu của khách hàng
- (b): Thông số theo Vilas 182; (c): Thông số theo công nhận của Bộ Y tế
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử; Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của PTN;
- Quá 07 ngày PTN sẽ không giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích
- (-): Không có quy định
- (KPH): Không phát hiện
- (MDL): Giới hạn phát hiện

Đắk Nông, ngày 29 tháng 05 năm 2025

BIÊN BẢN LẤY MẪU
(Về việc lấy mẫu, quan trắc môi trường Quý II năm 2025)

- Căn cứ vào Hợp đồng 145/2025/HĐ/DNA-IEMM về việc quan trắc môi trường định kỳ dự án ĐTXD công trình khai thác mỏ bauxit Nhân Cơ năm 2025 ký ngày 13/03/2025 giữa Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV và Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin.

Hôm nay, ngày 29 tháng 05 năm 2025, tại Công ty Nhôm Đắk Nông- TKV, chúng tôi gồm:

I. Công ty Nhôm Đắk Nông – TKV:

- Bà: Nguyễn Thị Ngọc Hân - Chức vụ: Cán bộ p. An toàn môi trường
Và một số cán bộ chuyên môn nghiệp vụ khác

II. Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin (Bên B):

- Ông: Trần Nhật Minh - Chức vụ: PP. PTN Hóa học – Môi trường
Và một số cán bộ chuyên môn nghiệp vụ khác

Hai bên cùng nhau thống nhất nội dung thực hiện lấy mẫu Quan trắc môi trường Quý II năm 2025 tại Công ty Nhôm Đắk Nông – TKV theo đúng các vị trí quan trắc tại bảng sau:

STT	Tên đơn vị và vị trí quan trắc	Không khí			Bụi lơ lửng	Tiếng ồn	Độ rung	Nước mặt	Nước ngầm	Nước thải công nghiệp
		NO ₂	SO ₂	CO						
I	Giám sát chất thải									
I.1	Môi trường không khí khu vực khai thác	x	x	x	x	x				
1	Khai trường khai thác năm 9 (khối 15-121)	x	x	x	x	x				
2	Phía Nam khai trường khai thác năm 9 (khối 10-122)	x	x	x	x	x				
3	Khai trường khai thác năm 9 (khối 16-121)	x	x	x	x	x				
4	Đường vận chuyển khu vực khai trường khai thác năm 9 (khối 10-122 và khối 14-121)	x	x	x	x	x				

STT	Tên đơn vị và vị trí quan trắc	Không khí			Bụi lơ lửng	Tiếng ồn	Độ rung	Nước mặt	Nước ngầm	Nước thải công nghiệp
		NO ₂	SO ₂	CO						
8	Nước thải phía Đông khu vực khai trường khai thác năm 9 Khối 14-121 (điểm 2)									x

CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV

Người giám sát



Nguyễn Thị Ngọc Hân

VIỆN CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG VÀ MỎ -

VINACOMIN

Tổ trưởng tổ quan trắc



Trần Nhật Minh

Thiết bị, dụng cụ lấy mẫu	Thiết bị đo nhanh
Thiết bị lấy mẫu bụi TSP-2/TFIA-2 Staplex	Thiết bị đo độ rung VM-55
Dụng cụ lấy mẫu nước, gầu, xô...	Thiết bị đo pH cầm tay WTW 3110
Các chai lọ thủy tinh, nhựa, giấy lọc...	Máy đo nước đa chỉ tiêu HI 9811-5

10. Công việc thực hiện

10.1. Quan trắc, lấy mẫu giám sát chất thải

- Quan trắc tại hiện trường, lấy mẫu 10 mẫu không khí tại 10 vị trí. Mã hóa mẫu ký hiệu 060525-KK 01 ÷ 10 các thông số: Tổng bụi lơ lửng, NO_2 , SO_2 , CO, tiếng ồn (L_{Aeq} , L_{Max})

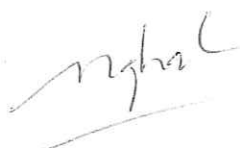
- Quan trắc tại hiện trường, lấy mẫu 08 mẫu nước thải công nghiệp tại 08 vị trí. Mã hóa mẫu ký hiệu 060525-NTCN01 ÷ 08 các thông số: pH, TSS, BOD_5 , COD, Fe, As, Hg, Cd, Pb, NH_4^+ , tổng photpho, NO_3^- , Coliform, dầu mỡ khoáng

11. Nhận xét

Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin đã thực hiện quan trắc tại hiện trường, lấy mẫu đầy đủ các thông số đợt 01 năm 2025 theo đúng Hợp đồng số 145/2025/HĐ/DNA-IEMM ngày 13/3/2025.

CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV

Người giám sát



Nguyễn Thị Ngọc Hân

**VIỆN CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG
VÀ MỎ - VINACOMIN**

Tổ trưởng tổ quan trắc



Trần Nhật Minh